TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 149/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 6 – 2026
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Nhiêu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Công Minh
Bà Huỳnh Trúc Duyên
Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương - Là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1540/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lý Thị Oanh Y, sinh năm 1982. Số CCCD: 096182010783. Địa chỉ: Số A, N, khóm A, phường I, Tp . (nay là khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau). Xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Liên X (L), sinh năm 1978. Số CCCD: 096078002833. Địa chỉ: Nhà số G, Lý Văn L, khóm C, phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà Lý Thị Oanh Y trình bày và xác định yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Bà với ông Liên X kết hôn vào ngày 18/10/2006 có đăng ký kết hôn tại UBND phường 9, Tp ., tỉnh Cà Mau (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 76/2006 – Nay là UBND phường A, tỉnh Cà Mau), hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông X.

Về con chung: Có một người con chung tên Liên Tiến Đ – sinh ngày 06/7/2007. Con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn ông Liên X, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập ông X đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng ông X vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lý Thị Oanh Y có đơn yêu cầu xét xử vụ án vắng mặt bà. Đối với ông Liên X, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông X đến để tham gia các phiên xét xử nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông X theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Y và ông X xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau (theo giấy chứng nhận kết hôn số 76/2006) đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Bà Y yêu cầu được ly hôn nên quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Quá trình chung sống, bà Y xác định giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm, đời sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc. Bà Y xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với ông X được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông X.

Để tạo điều kiện cho bà Y và ông X hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Tòa án triệu tập các đương sự đến Tòa án để tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông X vắng mặt không rõ lý do, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Y, không đến tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, việc này cho thấy ông X cũng không có tha thiết, mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với bà Y vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với ông X. Xét thấy, hôn nhân của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y về việc xin ly hôn với ông X.

[4] Về con chung: Có một người con chung tên Liên Tiến Đ – sinh ngày 06/7/2007. Con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Y xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Y xác định không có. Ông X không tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình và

gửi các tài liệu kèm theo chứng minh về vấn đề này nên chấp nhận ý kiến của bà Y.

[7] Về án phí: Bà Y phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lý Thị Oanh Y xin ly hôn với ông Liên X (L).

2/ Về con chung: Có một người con tên Liên Tiến Đ – sinh ngày 06/7/2007. Con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4/ Về nợ chung: Bà Y khai không có nên không xem xét giải quyết.

5/ Về án phí: Bà Lý Thị Oanh Y phải chịu số tiền 300.000 đồng, ngày 02/4/2026, bà Y nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003573 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được đối trừ, chuyển thu Ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Y, ông X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thùy N